

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI
45x1 Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, TP.Sa Đéc, Đồng Tháp



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019



**PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Tên Công ty**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI
Năm 2019**

I. Thông tin chung :

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÍCH CHI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số *No:* 1400371184
- Vốn điều lệ/ *Charter capital:* 183.337.360.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 183.337.360.000 đồng
- Địa chỉ/*Address:* 45x1 Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, TP.Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
- Số điện thoại/*Telephone:* 0277.3861910
- Số fax/*Fax:* 0277.3864674
- *Website:* <http://www.bichchi.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có) : BCF /

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)

Công Ty cổ phần thực phẩm BÍCH CHI tiền thân là doanh nghiệp nhà nước được chuyển đổi thành Công Ty cổ phần theo quyết định của UBND Tỉnh Đồng Tháp số 968/QĐ.UB.HC ngày 18/10/2000 , chính thức hoạt động từ năm 2001 . Công Ty được đăng ký công ty đại chúng từ ngày 03/01/2010 , vốn điều lệ ban đầu là 2.794.000.000 đồng . Vốn điều lệ hiện nay là 183.337.360.000 đồng

- Các sự kiện khác

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất

Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất chế biến lương thực thực phẩm . Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại thực phẩm

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất) : Sản phẩm sản xuất cung cấp cho thị trường trong nước (thông qua các đại lý và tất cả hệ thống Siêu thị trong toàn quốc) và trực tiếp xuất khẩu ra thị trường nước ngoài .

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị :

Mô hình quản trị gồm :

+ Đại Hội đồng cổ đông

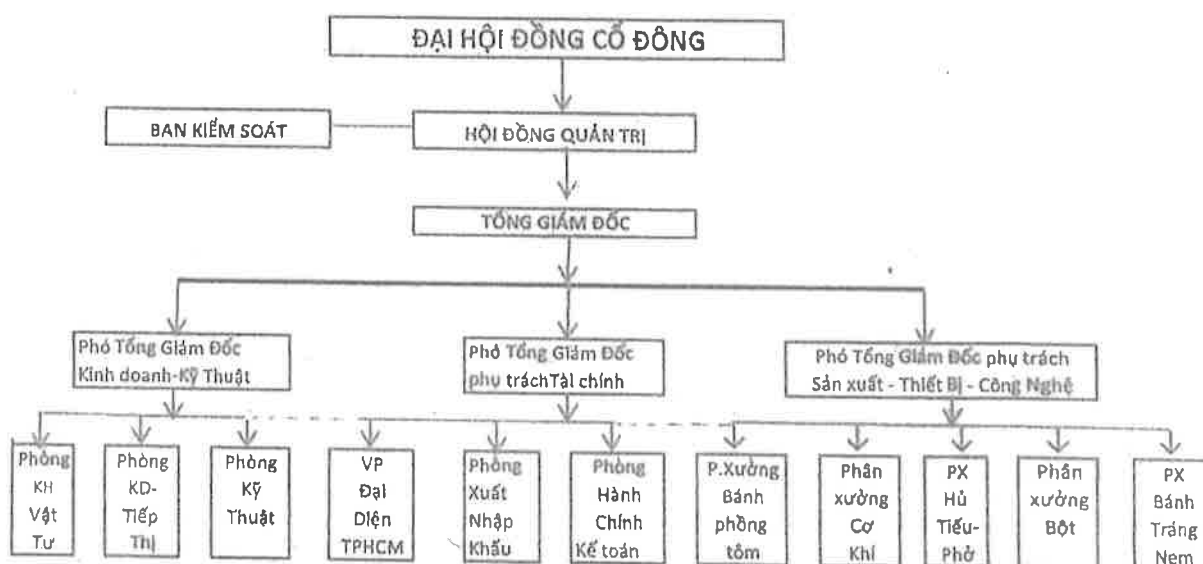
+ Hội đồng quản trị

+ Ban Kiểm soát

+ Ban điều hành : Tổng Giám Đốc , Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng

- Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/

Công Ty có đăng ký thành lập 01 Công Ty con nhưng chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (hiện đang tiến hành xây dựng hạ tầng cơ sở vật chất : trụ sở văn phòng, nhà xưởng.....) .

- Tên Công ty con : Công Ty TNHH Thực Phẩm Bích Chi 2

- Địa chỉ : Cụm Công Nghiệp Cái Tàu Hạ, An Nhơn , Thị Trấn Cái Tàu Hạ, Huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp .

- Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng

4. Định hướng phát triển :

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

STT	Tiêu chí	Mức phấn đấu	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	500 → 560 tỷ đồng	
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	60 → 70 tỷ đồng	
3	Thu nhập b/q người lao động / tháng	7 triệu → 7,5 triệu	
4	Cổ tức năm 2020	20 → 25%	

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- 1/- Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật đưa vào sản xuất các sản phẩm truyền thống.
- 2/- Cải tiến thiết bị hiện có để tăng hiệu suất thu hồi, nâng cao chất lượng sản phẩm .
- 3/- Đầu tư mới thiết bị hiện đại để tự động hóa, giảm dần các công việc mang tính thủ công, nâng cao năng suất lao động.
- 4/- Đầu tư nghiên cứu để tạo ra sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.
- 5/- Mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu .
- 6/- Có kế hoạch linh hoạt dự trữ nguyên liệu để tránh biến động của giá cả thị trường.
- 7/- Đầu tư tiếp tục cho chương trình bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý chất rắn, chất thải đặc biệt độc hại), cải tạo điều kiện làm việc để bảo vệ sức khỏe người lao động, nâng cao năng suất lao động , nâng cao thu nhập công nhân.
- 8/- Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty .

- **Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)**

- Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải , Lò hơi .
- Tiếp tục nhờ sự hỗ trợ của Trung Tâm quan trắc kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp trong việc đo đạc định kỳ về khí thải và nước thải tại khu vực sản xuất để có biện pháp xử lý kịp thời đảm bảo vệ sinh môi trường .

- Tuân thủ chấp hành đúng các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường .

* Tiếp tục giúp đỡ các trường Đại học, Cao đẳng trong và ngoài tỉnh trong việc tạo điều kiện và hướng dẫn sinh viên đến thực tập – tiếp cận thực tế, bổ sung kiến thức về chuyên môn, góp phần thiết thực trong sự nghiệp đào tạo của nhà trường .

+ Tích cực đóng góp các quỹ xây nhà tình thương, Quỹ máu ấm Công Đoàn , Quỹ Bảo trợ trẻ em và các phong trào do chính quyền, đoàn thể địa phương phát động .

5. Các rủi ro/ Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường).

Các rủi ro khách quan bao gồm :

- Biến động giá nguyên-nhiên-vật liệu đầu vào .

II. Tình hình hoạt động trong năm :

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm : Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp....

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2019
Tổng doanh thu	499.471.454.888	538.990.953.014
Các khoản khấu trừ	9.880.587.660	8.575.714.620
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	489.590.867.228	530.415.238.394
Giá vốn hàng bán	383.301.384.735	385.680.287.669
Lợi nhuận gộp	106.289.482.493	144.734.950.725
Doanh thu hoạt động tài chính	3.107.365.538	3.273.844.733
Chi phí tài chính	3.059.958.358	2.189.055.440
Trong đó: chi phí lãi vay	1.568.767.493	1.497.040.263
Chi phí bán hàng	35.218.506.091	38.072.845.201
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.165.398.856	22.666.430.541
Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh	47.952.984.726	85.080.464.276
Thu nhập khác	1.590.575.692	1.290.072.073
Chi phí khác	935.819.992	4.088.495.448
Lợi nhuận khác	654.755.700	-2.798.423.375
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.607.740.426	82.282.040.901
Chi phí thuế TNDN	9.804.807.433	17.406.721.173
Lợi nhuận sau thuế TNDN	38.802.932.993	64.875.319.728
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,223	3.592

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

+ Tình hình thực hiện so kế hoạch :

Về doanh thu thuần:

Năm 2018 : Kế hoạch : 470 tỷ , Thực hiện: 489.590.867.228 đồng

Năm 2019 : Kế hoạch : 480 tỷ , Thực hiện : 530.415.238.394 đồng
Về lợi nhuận trước thuế :

Lợi nhuận 2018 : KH 45 tỷ , thực hiện 48.607.740.426 đồng

Lợi nhuận 2019 : Kế hoạch : 42 đến 50 tỷ , thực hiện : 82.282.040.901 đồng

2. Tổ chức nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành :

- **Ông Phạm Thanh Bình** - Chủ tịch Hội Đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

Số cổ phần nắm giữ : 2.604.067 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/CP)

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1953

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 117 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP.HCM

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- Từ tháng 12/1970 đến 10/1980 : quân nhân

- Từ tháng 12/1980 đến tháng 3/1993 : Trưởng Phòng tổ chức Nhà máy bột ngọt.

- Từ 1993 đến 2003 : kinh doanh tại nhà

- Từ tháng 11/2003 đến nay : công tác tại Công Ty cổ phần thực phẩm Bích Chi .

- Từ 2003 đến nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công Ty cổ phần thực phẩm BÍCH CHI .

Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch Hội Đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Cty CPTP Bích Chi

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Các quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty : không

- **Ông Bùi Văn Sáu** , Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CPTP Bích Chi .

Số cổ phần nắm giữ : 1.834.846 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/CP)

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1959

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 172 Lý Thường Kiệt, P.1, TP SaĐéc

Trình độ văn hóa : 12/12

Quá trình công tác : công tác tại Công Ty cổ phần thực phẩm Bích chi từ năm 1975 đến nay .

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Chủ tịch Hội Đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc Cty CPTP Bích Chi

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Các quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty : không

- **Ông Trang Sĩ Đức**, thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc CTy CPTP Bích Chi .

Số cổ phần nắm giữ : 917.422 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/CP)

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1959

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 156/1 Lý Thường Kiệt, P.1, TP SaĐéc

Trình độ văn hóa : 12/12

Quá trình công tác : công tác tại Công Ty cổ phần thực phẩm Bích chi từ năm 1975 đến nay .

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám Đốc , thành viên HĐQT CTy CPTP Bích Chi

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Các quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty : không

- **Ông Phạm Hoàng Thái**, thành viên Hội Đồng quản trị/Phó Tổng Giám Đốc

Số cổ phần nắm giữ : 659.813 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/CP)

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1984

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 117 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP.HCM

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

Quá trình công tác :

- Từ 2008 đến 2010: Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty Bảo Hiểm Viễn Đông

- Từ 2010 đến 2012: Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty TNHH Bảo Hiểm Fubon

- Từ 2012 đến nay: Công tác tại Công ty CPTP Bích Chi

Hành vi vi phạm pháp luật : không

Các quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty : không

KẾ TOÁN TRƯỞNG : TRẦN VĂN THIỀU

Số cổ phần nắm giữ : không có

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1979
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 627/1, Phú Hòa, Tân Phú Đông TP. SaDec, Đồng Tháp
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính-Kế toán
Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng
Hành vi vi phạm pháp luật : không
Các quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty : không

*** Những thay đổi trong ban điều hành : /**

*** Số lượng CB.CNV : 748 người , CB quản lý 32 người**

Chính sách đối với người lao động :

+ *Chế độ làm việc :*

Thời gian làm việc : Chế độ làm việc : 48 giờ/tuần , nhân viên văn phòng làm việc theo giờ hành chính. Bộ phận sản xuất làm việc theo ca nhưng vẫn đảm bảo tuần làm việc 48 giờ .

Chế độ nghỉ lễ, phép và chế độ nghỉ ốm, thai sản, BHXH, BHYT : thực hiện đúng theo quy định Luật lao động hiện hành .

Chính sách thưởng : Hàng năm Công Ty thưởng cho CB.CNV vào dịp lễ 30/4, ngày lễ 2/9, thưởng vào cuối tháng 6 hàng năm (thưởng 6 tháng đầu năm) và đặc biệt vào dịp Tết âm lịch có tặng thêm quà Tết .

Chi tiền ăn và tiền phụ cấp chuyên cần hàng tháng .

Các phúc lợi khác như thực hiện khám sức khỏe định kỳ, tổ chức tham quan nghỉ mát thực hiện theo Thỏa ước lao động tập thể và pháp luật lao động hiện hành .

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

a) *Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn.*

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)

Tên công ty con : Công Ty TNHH Thực Phẩm Bích Chi 2 tại Huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Đã được Sở Kế Hoạch-Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công Ty TNHH Một thành viên. Công Ty đang tiến hành xây dựng hạ tầng cơ sở.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	280.409.373.022	316.772.336.973	12,96%
Doanh thu thuần	489.590.867.228	530.415.238.394	8,3%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	106.289.482.493	144.734.950.725	36,17%
Lợi nhuận trước thuế	48.639.958.835	82.295.214.706	69%
Lợi nhuận sau thuế	38.835.151.402	64.888.493.533	67%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	22%	Dự kiến 30% (trong đó 15% tiền mặt (đã chi) +15% cổ phiếu thưởng sau khi thông qua ĐHĐCĐTN năm 2020)	
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác/ other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,03	2,46	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	1,22	1,73	
Nợ ngắn hạn			

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,33	0,29	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,49	0,41	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	5,008	5,69	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,746	1,67	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,08	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,21	0,29	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,14	0,20	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,098	0,12	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài

+ Tổng số cổ phần đang lưu hành : 18.333.736 CP

+ Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : /

+ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành : 10.000đ/cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác

ĐVT : 1.000 VND

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỉ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỉ lệ (%)
Tổng số vốn thực góp	18.333.736	183.337.360	100.00%	0	-	
Cổ đông sở hữu ≥5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	10.614.107	106.141.070	57,89%	0	-	
Cổ đông sở hữu từ 1 đến <5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	5.117.243	51.172.430	27,91%	0	-	
Cổ đông sở hữu dưới 1 % cổ phiếu có quyền biểu quyết	2.602.386	26.023.860	14,19%	0	-	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v.*

Năm 2019 đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 3 năm 2018 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/4/2019, cụ thể như sau :

Tổng số lượng cổ phiếu phát hành năm 2019 : 1.199.407 cổ phiếu ,
 Vốn Điều lệ mới của Công Ty sau khi phát hành : 183.337.940.000đồng

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: *Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch*

Không có cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác : *nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán .*

Không có chứng khoán khác

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm chính của tổ chức trong năm.:

- *Nguyên vật liệu chính :*

+ Bột mì : 12.000 tấn/năm
 + Gạo : 5000 tấn/năm
 + Bột gạo : 2500 tấn/năm

+ Ngũ cốc (các loại đậu, mè....) 350 tấn/năm

- Bao bì đóng gói :

+ Bao bì giấy (thùng carton) : 1.200 tấn/năm

+ Bao bì nylon : 170 tấn/năm

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp :

- Điện năng : 5.983.000 KWh/năm

- Nhiên liệu :

+ Trấu : 19.480 tấn

+ Diezen : 05 tấn

+ Gas : 02 tấn

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Bộ phận	Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã thực hiện trong năm	
	Nội dung giải pháp	Kết quả tiết kiệm
PX Hủ tiêu – phở.	Thay thế toàn bộ đèn chiếu sáng huỳnh quang T8 bằng đèn chiếu sáng T5 công nghệ led (200 bộ).	Tiết kiệm được 50% điện năng tiêu thụ của thiết bị.
PX Bánh phồng tôm.	Thay thế toàn bộ đèn chiếu sáng huỳnh quang T8 bằng đèn chiếu sáng T5 công nghệ led (200 bộ).	Tiết kiệm được 50% điện năng tiêu thụ của thiết bị.

c/- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này .

Các biện pháp thực hiện để tiết kiệm điện, mang lại hiệu quả kinh tế :

a/- Thường xuyên quan tâm bảo trì thiết bị dùng điện :

Tổng số lượng quạt sử dụng trong Công ty là 118 cái, tổng công suất 42,8 kW. Thời gian vận hành các quạt trong ngày từ 8 – 24 giờ. Tổng công suất quạt và thời gian vận hành các quạt tương đối lớn, do đó trong quá trình vận hành Công ty nên thường xuyên vệ sinh và bôi trơn ổ trục các quạt, giúp quạt vận hành hiệu quả. Bên cạnh đó cần thường xuyên nhắc nhở công nhân thực hiện sử dụng quạt hiệu quả, hạn chế tình trạng quạt hoạt động nhưng không có người làm việc hoặc không có sản phẩm cần làm nguội.

b/- Máy nén lạnh :

Máy nén lạnh được sử dụng cho các mục đích: ủ bánh phồng tôm, bảo quản nguyên liệu, Tổng số máy nén lạnh được sử dụng là 08 cụm máy.

- Loại máy nén lạnh sử dụng là máy nén xoắn ốc, tuần hoàn môi chất R404A, giải nhiệt môi chất sau nén bằng các dàn ngưng tụ ống đồng cánh nhôm.

- Các máy lạnh được vận hành tự động ON – OFF theo nhiệt độ cài đặt trong không gian làm lạnh.

Thông số vận hành các máy lạnh như sau:

Thiết bị	Công suất định mức (kW)	Công suất vận hành (kW)	Nhiệt độ cài đặt (°C)
Máy lạnh kho trữ tôm			
Cụm máy nén lạnh số 01	7,5		18 đến -20
Cụm máy nén lạnh số 02	7,5	5,2	
Kho ủ bánh 01			
Cụm máy nén lạnh số 01	7,5	6,7	4 - 8
Cụm máy nén lạnh số 02	7,5	6,1	
Kho ủ bánh 02			
Tổng cụm máy nén lạnh số 01 và số 02	7,5	15,1	4 - 8
	7,5		
Kho ủ bánh 3			
Tổng cụm máy nén lạnh số 01 và số 02	7,5	14	4 - 8
	7,5		

- Máy nén lạnh sử dụng là máy nén xoắn ốc có hệ số COP rất cao nhờ khả năng điều chỉnh tải linh động và các tổn thất cơ học rất thấp.

- Lắp đặt relay nhiệt độ để điều khiển vận hành máy, tắt giảm máy trong thời điểm không gian làm lạnh đạt nhiệt độ yêu cầu giúp giảm điện năng tiêu thụ của cụm máy, hạn chế vận hành với mức tải quá thấp, giúp máy vận hành hiệu quả, đáp ứng nhu cầu làm lạnh.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nước sử dụng được cung cấp gồm 3 nguồn:

1. Nước do công ty cấp nước cung cấp: 300 m³ / tháng.
2. Nước ngầm khai thác tại công ty : 2400m³ / tháng
3. Nước sông khai thác tại công ty : 1200m³ / tháng

b) Tỷ lệ phần trăm nước tái chế và tái sử dụng:

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : /

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động :

Số lượng lao động : 748 người

Thu nhập bình quân : 7,2 triệu đồng/người

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Hàng năm Công Ty tổ chức :

- Khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm
- Tổ chức các khóa huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động , cấp thẻ an toàn vệ sinh viên cho người lao động .
- Trang cấp đầy đủ dụng cụ phòng hộ lao động cá nhân .
- Ký hợp đồng lao động và nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho lao động làm việc tại Công Ty .

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên :

+ Hàng năm Công Ty có bố trí cán bộ, nhân viên tham dự các khóa đào tạo chuyên ngành để tiếp thu kiến thức mới, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn . Đối với công nhân lao động được đưa đi tham dự các khóa đào tạo nâng cao tay nghề .

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp :

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng :

Công Ty tích cực tham gia đóng góp các quỹ xây dựng cầu đường, nhà tình thương và các hoạt động khác theo đề xuất của địa phương . Tổng số tiền đóng góp : 500 triệu đồng/năm .

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau :

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Về doanh thu thuần:

Năm 2018 : Kế hoạch : 470 tỷ ; Thực hiện: 489.590.867.228 đồng

Năm 2019 : Kế hoạch :480 tỷ ; Thực hiện : 530.415.238.394 đồng

Doanh thu thực hiện năm 2019 / 2018 : tăng +8,3%

Về lợi nhuận trước thuế :

Năm 2018 : Kế hoạch : 40 tỷ , thực hiện 48.639.958.834 đồng

Năm 2019 : KH 45 tỷ , thực hiện 82.295.214.706 đồng

Lợi nhuận trước thuế năm 2019 / 2018 : tăng+69%

- **Những tiến bộ Công Ty đã đạt được :**
- + Đầu tư mới thiết bị đồng bộ nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm , giữ vững sự tín nhiệm của khách hàng trong và ngoài nước .
- + Thị trường xuất khẩu ổn định,

1. Tình hình tài chính :

a/- Tình hình tài sản :

- + Tổng cộng tài sản tại ngày 01.01.2019 : 280.409.373.022 đồng
- + Tổng cộng tài sản tại ngày 31.12.2019 : 316.772.336.973 đồng

b/- Tình hình nợ phải trả :

- + Tổng nợ phải trả tại ngày 01.01.2019 : 93.006.764.306 đồng
- + Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2019 : 92.697.838.724 đồng

3/- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý :

Củng cố nhân sự bộ phận marketing , tăng cường phát triển thị trường trong và ngoài nước .

4/- Kế hoạch phát triển trong tương lai :

- Đầu tư mới để hoàn thiện thiết bị, công nghệ , nâng cao năng suất lao động giảm bớt lao động thủ công.
- Nghiên cứu sản phẩm mới . Đẩy mạnh xúc tiến thương mại mở rộng thị trường nước ngoài .
- Quý 2/2020 tiến hành xây dựng hạ tầng cơ sở và trang bị thiết bị cho Công Ty con , dự kiến hoạt động vào quý 1/2022.

5/-Giải trình của Ban Giám Đốc đối với ý kiến của kiểm toán (nếu có) – Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần) :

IV.Đánh giá của Hội Đồng quản trị về hoạt động của Công Ty :

1.Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công Ty :

Năm 2019 có kết quả kinh doanh tốt , doanh thu và lợi nhuận đều đạt và vượt kế hoạch, đặc biệt tổng lợi nhuận trước thuế năm 2019 tăng 69% so với năm 2018.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám Đốc Công Ty :

- Về mặt tổ chức quản lý nhân sự : việc phân công bố trí cán bộ CNV phù hợp với năng lực và công việc từng người .

- Ban Tổng Giám Đốc Công Ty có kế hoạch, tổ chức sản xuất kinh doanh linh hoạt , phù hợp với tình hình thị trường , góp phần quyết định vào sự thành công của Công Ty .

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

Năm 2019 vẫn còn những khó khăn : Đối tác cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ, việc cạnh tranh ngày càng gay gắt , Thị trường lao động căng thẳng mà có thể còn khó khăn hơn . Để giải quyết vấn đề này là một gian nan . Hội đồng quản trị chủ trương :

-Bên cạnh việc cải tạo điều kiện làm việc để giữ chân người lao động còn phải giải quyết tăng thu nhập – thông qua việc tăng năng suất lao động . Đây là việc làm tạo ra tăng chi phí, làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp .

- Giám sát chặt chẽ chi phí quản lý , chủ trương thực hành tiết kiệm vật tư, nguyên vật liệu , đảm bảo tính ổn định chất lượng và giá sản phẩm phải phù hợp sát sao với thị trường .
- Tăng cường xúc tiến thương mại, củng cố và mở rộng kênh tiêu thụ sản phẩm ở nước ngoài .

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của Kiểm toán viên :

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty cổ phần thực phẩm BÍCH CHI tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính .

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán :

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán , thực hiện bởi Công Ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt ngày 24 tháng 02 năm 2020, đã được báo cáo cho UBCKNN đồng thời cũng đã được công bố trên website Công Ty : bichchi.com.vn.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Phạm Thanh Bình